

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quyết Thắng	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2015 bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2015 cho đến trước ngày 29 tháng 9 năm 2015
Bà Đoàn Thị Đông	Thành viên	
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Mạnh Đức	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2015
Ông Đinh Quang Hoàn	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2015
Ông Lê Việt Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61113814-17794248-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhất Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		535.614.669.117	186.285.094.928
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	418.025.035.540	57.119.281.063
111	1. Tiền		18.025.035.540	42.119.281.063
112	2. Các khoản tương đương tiền		400.000.000.000	15.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.470.579.700	2.667.778.040
121	1. Chứng khoán kinh doanh		2.590.272.558	6.979.120.100
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.119.692.858)	(4.311.342.060)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	111.257.663.439	122.707.132.626
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		86.786.969.665	87.740.596.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		11.837.763.919	18.358.543.305
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		19.418.044.172	18.996.566.113
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.086.472.884)	(2.388.572.852)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		301.358.567	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	3.850.341.588	1.053.460.876
141	1. Hàng tồn kho		4.132.598.591	1.053.460.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.257.003)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.011.048.850	2.737.442.323
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		591.122.954	839.817.529
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		419.925.896	1.897.624.794
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		136.396.724.921	69.957.932.393
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	3.559.580.000	4.740.855.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		3.362.700.000	4.585.500.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		196.880.000	155.355.000
220	II. Tài sản cố định		56.719.743.288	33.382.577.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.432.193.288	32.078.319.131
222	Nguyên giá		132.967.865.523	105.644.109.259
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(77.535.672.235)	(73.565.790.128)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.287.550.000	1.304.258.125
228	Nguyên giá		2.465.843.779	2.465.843.779
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.178.293.779)	(1.161.585.654)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.600.778.947	26.118.194.232
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.600.778.947	26.118.194.232
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		69.174.809.527	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	2.732.432.827	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	75.558.898.375	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.2	(9.116.521.675)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.341.813.159	5.716.305.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.904.596.959	4.950.921.450
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.2	437.216.200	765.384.455
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		672.011.394.038	256.243.027.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		492.651.580.383	100.138.786.117
310	I. Nợ ngắn hạn		94.210.699.383	94.994.343.867
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.909.011.939	67.710.073.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		493.280.129	255.291.749
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.049.416.177	6.559.800.227
314	4. Phải trả người lao động		8.820.845.509	12.722.961.105
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		709.293.361	3.351.151.505
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	5.254.871.690	4.395.065.731
320	7. Vay ngắn hạn	17	17.973.980.578	-
330	II. Nợ dài hạn		398.440.881.000	5.144.442.250
337	1. Phải trả dài hạn khác		254.800.000	1.665.422.000
338	2. Vay dài hạn	17	396.000.000.000	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	18	2.186.081.000	3.479.020.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		179.359.813.655	156.104.241.204
410	I. Vốn chủ sở hữu		179.359.813.655	156.104.241.204
411	1. Vốn cổ phần	19.1	137.803.490.000	83.518.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		137.803.490.000	83.518.570.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	19.1	8.378.540.122	8.097.890.172
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	7.276.861.099	28.139.561.099
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	12.400.649.915	33.424.359.950
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	6.129.664.204
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		12.400.649.915	27.294.695.746
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	13.500.272.519	2.923.859.983
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		672.011.394.038	256.243.027.321


Phạm Thị Thanh Vân
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng




Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc


Ngày 17 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.010.596.638.027	872.723.744.485
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.010.596.638.027	872.723.744.485
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(853.691.620.124)	(758.444.868.357)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		156.905.017.903	114.278.876.128
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.221.943.586	11.771.926.847
22	6. Chi phí tài chính	23	(11.032.424.485)	(840.131.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.831.408.810)	(836.744.834)
24	7. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	12.1	(1.429.627.173)	1.580.778.438
25	8. Chi phí bán hàng	24, 25	(75.519.456.828)	(54.687.973.220)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 25	(33.879.929.230)	(36.166.259.207)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.265.523.773	35.937.217.917
31	11. Thu nhập khác		478.607.204	279.174.814
32	12. Chi phí khác	26	(2.687.943.954)	(145.693.934)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.209.336.750)	133.480.880
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.056.187.023	36.070.698.797
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(8.352.152.240)	(8.771.088.250)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(328.168.255)	765.384.455
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.375.866.528	28.064.995.002
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		24.599.453.992	28.076.986.548
62	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	20	776.412.536	(11.991.546)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.3	1.553	1.819
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.3	1.553	1.819


Phạm Thị Thanh Vân
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		34.056.187.023	36.070.698.797
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.897.790.232	4.584.775.075
03	Các khoản dự phòng		9.612.090.258	359.106.806
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.966.819)	20.569.465
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		766.466.545	(7.593.356.386)
06	Chi phí lãi vay	23	1.831.408.810	836.744.834
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.161.976.049	34.278.538.591
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		7.969.840.243	(59.193.160.330)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.079.137.715)	919.737.075
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.575.515.795)	46.818.033.219
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.295.019.066	(3.580.600.673)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		4.388.847.542	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.269.408.810)	(836.744.834)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.235.079.945)	(4.537.883.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		30.540.622.174	5.959.439.758
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(7.717.540.979)	(37.143.741.539)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		-	67.909.090
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(79.720.958.375)	-
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.331.914.394
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.334.634.494	6.059.278.827
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(85.103.864.860)	(22.684.639.228)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	20	9.800.000.000	1.470.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	17	766.660.711.188	86.814.260.874
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(352.686.730.610)	(86.814.260.874)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.4	(8.341.894.700)	(10.029.293.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		415.432.085.878	(8.559.293.400)
50	Tăng (giảm) thuần tiền và tương đương tiền trong năm		360.868.843.192	(25.284.492.870)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		57.119.281.063	82.403.070.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.911.285	703.277
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	418.025.035.540	57.119.281.063



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và một công ty liên kết như sau:

Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có ba công ty con được trình bày như sau:

Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013.

Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

SORECO có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.

Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp 10,2 tỷ VNĐ vào Cảng Miền Nam, tương đương 51% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn với một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ nhất.

Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

SII có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã góp đủ 400 tỷ vốn điều lệ vào công ty con này.

Công ty liên kết

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính của Gefco – Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ.

Gefco – Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 346 (31 tháng 12 năm 2014: 351).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi cổ đông của Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng các thông tư dưới đây:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Nhóm Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Thông tư 202 có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Nhóm Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 200, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn lưu động

Quỹ này được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ theo quy định của Điều lệ hoạt động của Nhóm Công ty. Quỹ này đang được ghi nhận trên tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt, tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhốt trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	790.534.933	2.475.936.800
Tiền gửi ngân hàng	17.234.500.607	39.643.344.263
Các khoản tương đương tiền	400.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	418.025.035.540	57.119.281.063

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	VNĐ					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	127.872.558	16.929.700	(110.942.858)	4.516.720.100	1.562.878.040	(2.953.842.060)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	16.440.700	(110.311.747)	507.036.000	44.684.640	(462.351.360)
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	639.018	159.000	(480.018)	639.018	387.000	(252.018)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	368.771	263.400	(105.371)	1.150.320.000	597.040.400	(553.279.600)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	112.322	66.600	(45.722)	1.396.647.832	777.150.000	(619.497.832)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	-	-	1.462.077.250	143.616.000	(1.318.461.250)
Chứng khoán chưa niêm yết	2.462.400.000	1.453.650.000	(1.008.750.000)	2.462.400.000	1.104.900.000	(1.357.500.000)
<i>Trong đó:</i>						
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	1.537.500.000	528.750.000	(1.008.750.000)	1.537.500.000	180.000.000	(1.357.500.000)
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định – Phong Phú	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	368.900.000	368.900.000	-	368.900.000	368.900.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-
TỔNG CỘNG	2.590.272.558	1.470.579.700	(1.119.692.858)	6.979.120.100	2.667.778.040	(4.311.342.060)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	86.786.969.665	87.740.596.060
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	37.212.750	10.958.814.275
Các khoản phải thu khách hàng khác	86.749.756.915	76.781.781.785
Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.837.763.919	18.358.543.305
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	14.932.587.814
Các khoản trả trước khác	3.063.946.305	3.425.955.491
Phải thu ngắn hạn khác	19.418.044.172	18.996.566.113
<i>Trong đó:</i>		
Phí vận chuyển trả hộ	10.805.975.900	7.731.092.994
Tạm ứng cho nhân viên	6.181.412.821	6.217.850.332
Ký quỹ ngắn hạn	2.081.298.000	1.395.998.000
Phải thu cổ tức	-	1.611.890.533
Phải thu khác	349.357.451	2.039.734.254
Tài sản thiếu chờ xử lý – Hàng tồn kho	301.358.567	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(7.086.472.884)</u>	<u>(2.388.572.852)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>111.257.663.439</u>	<u>122.707.132.626</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.388.572.852)	(1.811.381.686)
Dự phòng trích lập trong năm	(4.935.017.509)	(646.050.469)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>237.117.477</u>	<u>68.859.303</u>
Số cuối năm	<u>(7.086.472.884)</u>	<u>(2.388.572.852)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	4.132.598.591	1.053.460.876
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(282.257.003)</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>3.850.341.588</u>	<u>1.053.460.876</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn - Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Tây Hồ	3.362.700.000	4.585.500.000
Phải thu dài hạn khác - Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>196.880.000</u>	<u>155.355.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.559.580.000</u>	<u>4.740.855.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	48.325.609.729	6.007.517.506	49.611.686.456	1.699.295.568	105.644.109.259
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.843.737.173	-	-	-	29.843.737.173
Mua trong năm	-	-	-	391.219.091	391.219.091
Thanh lý trong năm	<u>(2.911.200.000)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(2.911.200.000)</u>
Số cuối năm	<u>75.258.146.902</u>	<u>6.007.517.506</u>	<u>49.611.686.456</u>	<u>2.090.514.659</u>	<u>132.967.865.523</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>34.784.931.994</i>	<i>4.117.889.687</i>	<i>22.584.479.426</i>	<i>952.999.565</i>	<i>62.440.300.672</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	41.591.684.373	4.470.766.014	26.287.770.670	1.215.569.071	73.565.790.128
Khấu hao trong năm	2.259.922.721	371.709.419	4.033.026.419	216.423.548	6.881.082.107
Thanh lý trong năm	<u>(2.911.200.000)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(2.911.200.000)</u>
Số cuối năm	<u>40.940.407.094</u>	<u>4.842.475.433</u>	<u>30.320.797.089</u>	<u>1.431.992.619</u>	<u>77.535.672.235</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>6.733.925.356</u>	<u>1.536.751.492</u>	<u>23.323.915.786</u>	<u>483.726.497</u>	<u>32.078.319.131</u>
Số cuối năm	<u>34.317.739.808</u>	<u>1.165.042.073</u>	<u>19.290.889.367</u>	<u>658.522.040</u>	<u>55.432.193.288</u>

Nhóm Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 34.317.739.808 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Trang web</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.287.550.000</u>	<u>1.016.430.750</u>	<u>161.863.029</u>	<u>2.465.843.779</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	1.016.430.750	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	999.722.625	161.863.029	1.161.585.654
Hao mòn trong năm	-	16.708.125	-	16.708.125
Số cuối năm	-	<u>1.016.430.750</u>	<u>161.863.029</u>	<u>1.178.293.779</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>1.287.550.000</u>	<u>16.708.125</u>	-	<u>1.304.258.125</u>
Số cuối năm	<u>1.287.550.000</u>	-	-	<u>1.287.550.000</u>

Nhóm Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.287.550.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản trái phiếu thường trong nước. Chi tiết của khoản trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.2.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Km9 Xa Lộ Hà Nội	3.600.778.947	2.805.200.000
Dự án kho Long Bình	-	23.312.994.232
TỔNG CỘNG	<u>3.600.778.947</u>	<u>26.118.194.232</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	<i>VNĐ</i> <i>Gefco – Sotrans</i> <i>Logistics</i>
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	-
Tăng giá trị đầu tư	<u>4.162.060.000</u>
Số cuối năm	<u>4.162.060.000</u>
Phần lỹ kế lỗ sau khi đầu tư:	
Số đầu năm	-
Phần lỗ trong năm	<u>(1.429.627.173)</u>
Số cuối năm	<u>(1.429.627.173)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>2.732.432.827</u>

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015 với vốn điều lệ là 16.988.000.000 VNĐ. Nhóm Công ty đã cam kết góp đủ vốn tương đương 49% vốn chủ sở hữu của Gefco – Sotrans Logistics đến ngày 5 tháng 9 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã góp 4.162.060.000 VNĐ vào Gefco - Sotrans Logistics, tương ứng 24,5% tỷ lệ sở hữu. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Gefco – Sotrans Logistics giảm từ 49% xuống còn 24,5% theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VNĐ		
	<u>Số cuối năm</u>		
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Đầu tư cổ phiếu niêm yết - Công ty Cổ phần MHC (“MHC”)	4.342.639	75.558.898.375	16,02
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		<u>(9.116.521.675)</u>	
GIÁ TRỊ THUẦN		<u>66.442.376.700</u>	

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) ngày 7 tháng 12 năm 2015, HĐQT thống nhất thông qua việc mua cổ phiếu MHC. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ nắm giữ đến 20,01% tỷ lệ sở hữu trong MHC để có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động của công ty này cho các mục tiêu đầu tư lâu dài.

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty cũng đã hoàn tất việc mua thêm 1.082.610 cổ phiếu của MHC với giá trị là 14.950.467.097 VNĐ. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong MHC tăng từ 16,02% lên 20,01% và MHC trở thành một công ty liên kết của Nhóm Công ty.

Tất cả cổ phiếu của MHC với giá trị còn lại là 66.442.376.700 VNĐ được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và trái phiếu thường trong nước của Nhóm Công ty. Chi tiết của khoản vay và trái phiếu này được thể hiện trong Thuyết minh số 17.1 và 17.2.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa Công cụ, dụng cụ	2.823.316.285 81.280.674	4.552.926.763 397.994.687
TỔNG CỘNG	<u>2.904.596.959</u>	<u>4.950.921.450</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	491.700.000	-
Phải trả cho Công ty Unitex Logistics Limited	398.883.248	9.860.051.117
Phải trả người bán khác	56.018.428.691	57.850.022.433
TỔNG CỘNG	<u>56.909.011.939</u>	<u>67.710.073.550</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp/ Cấn trừ	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.332.100.279	55.306.904.592	(54.325.280.396)	2.313.724.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 27.1)	3.118.268.851	8.352.152.240	(10.115.918.461)	1.354.502.630
Thuế thu nhập cá nhân	291.045.087	3.104.684.472	(3.014.540.487)	381.189.072
Tiền thuê đất	1.818.386.010	8.517.366.042	(10.335.752.052)	-
Các loại thuế khác	-	1.151.566.963	(1.151.566.963)	-
TỔNG CỘNG	<u>6.559.800.227</u>	<u>76.432.674.309</u>	<u>(78.943.058.359)</u>	<u>4.049.416.177</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nhận ký quỹ	2.460.861.365	1.795.637.761
Phí hoa hồng	1.085.957.547	722.297.702
Cổ tức phải trả	183.567.363	173.605.063
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.524.485.415	1.703.525.205
TỔNG CỘNG	<u>5.254.871.690</u>	<u>4.395.065.731</u>

17. VAY

	VNĐ			
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Vay ngắn hạn -				
Vay từ đơn vị khác				
(Thuyết minh số 17.1)	-	35.671.418.775	(17.697.438.197)	17.973.980.578
Vay dài hạn - Trái phiếu thường trong nước				
(Thuyết minh số 17.2)	-	396.000.000.000	-	396.000.000.000
Vay từ bên khác	-	334.989.292.413	(334.989.292.413)	-
TỔNG CỘNG	-	<u>766.660.711.188</u>	<u>(352.686.730.610)</u>	<u>413.973.980.578</u>

17.1 Vay ngắn hạn

Nhóm Công ty có khoản vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán IB nhằm mục đích thực hiện các giao dịch mua chứng khoán niêm yết. Số cuối năm được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		%/năm	
C000052/2015/IB SC/HĐ-GDKQ	<u>17.973.980.578</u>	Từ 14 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 3 năm 2016	13,50	Toàn bộ chứng khoán có trong tài khoản giao dịch ký quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Kỳ hạn</i>
		VND	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	400.000.000.000	6 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(4.000.000.000)</u>	
TỔNG CỘNG		<u>396.000.000.000</u>	

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Nhóm Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VNĐ từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VNĐ từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là các tài sản thuộc sở hữu của Nhóm Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất là văn phòng, nhà xưởng và nhà kho tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất, nhà kho và cầu cảng tại Km số 9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức; quyền sử dụng đất và nhà số 36/1 Sương Nguyệt Ánh, Phường 9, Thành phố Đà Lạt; Kho Sotrans Long Bình – Đồng Nai; và các tài sản hình thành trong tương lai gồm tài sản thuộc Dự án Kho Sotrans Phú Mỹ, 5.614.669 cổ phiếu tương đương 20,71% tỷ lệ sở hữu trong MHC và 36.905.000 cổ phiếu tương đương 55% tỷ lệ sở hữu trong Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	83.518.570.000	6.894.818.939	23.316.847.261	4.822.713.838	19.949.114.757	138.502.064.795
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	28.076.986.548	28.076.986.548
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(10.022.228.400)	(10.022.228.400)
Trích lập các quỹ	-	1.203.071.233	-	-	(3.809.213.699)	(2.606.142.466)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(770.299.256)	(770.299.256)
Số cuối năm	<u>83.518.570.000</u>	<u>8.097.890.172</u>	<u>23.316.847.261</u>	<u>4.822.713.838</u>	<u>33.424.359.950</u>	<u>153.180.381.221</u>
Năm nay						
Số đầu năm (<i>đã được trình bày trước đây</i>)	83.518.570.000	8.097.890.172	23.316.847.261	4.822.713.838	33.424.359.950	153.180.381.221
Trình bày lại (<i>Thuyết minh số 32</i>)	-	-	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-	-
Số đầu năm (<i>được trình bày lại</i>)	83.518.570.000	8.097.890.172	28.139.561.099	-	33.424.359.950	153.180.381.221
Tăng vốn trong năm (<i>i</i>)	41.758.430.000	-	(20.862.700.000)	-	(20.895.730.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (<i>i</i>)	12.526.490.000	-	-	-	(12.526.490.000)	-
Cổ tức đã công bố (<i>ii</i>)	-	-	-	-	(8.351.857.000)	(8.351.857.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	24.599.453.992	24.599.453.992
Trích lập các quỹ	-	280.649.950	-	-	(3.287.149.450)	(3.006.499.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(561.937.577)	(561.937.577)
Số cuối năm	<u>137.803.490.000</u>	<u>8.378.540.122</u>	<u>7.276.861.099</u>	<u>-</u>	<u>12.400.649.915</u>	<u>165.859.541.136</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 4.175.928 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn vốn tăng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cổ đông của Công ty cũng đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết trên. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 15% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 1.252.778 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngày 29 tháng 9 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 5.428.492 cổ phiếu trị giá 54.284.920.000 VNĐ, trong đó 4.175.843 cổ phiếu được phát hành để tăng vốn điều lệ của Công ty (tương đương với 41.758.430.000 VNĐ) và 1.252.649 cổ phiếu được phát hành để trả cổ tức (tương đương với 12.526.490.000 VNĐ). Công ty cũng đã nộp báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 9 từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho việc thay đổi vốn điều lệ nêu trên.

- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm 2015 tại mức 25% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.

Công ty đã công bố trả tạm ứng cổ tức bằng tiền tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết của HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2015, tương đương với 8.351.857.000 VNĐ.

Phần cổ tức còn lại tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu được trả bằng hình thức phát hành thêm 1.252.649 cổ phiếu, tương đương với 12.526.490.000 VNĐ, như đã trình bày trên.

Ngày 8 tháng 10 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 455/QĐ-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chi trả cổ tức này.

19.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.780.349	130.780.349.000	8.351.857	80.351.857.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.780.349	130.780.349.000	8.351.857	80.351.857.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014: 10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VNĐ)	24.599.453.992	28.076.986.548
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ) (*)	<u>(3.203.000.000)</u>	<u>(3.006.499.500)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	21.396.453.992	25.070.487.048
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân (cổ phiếu) (**)	13.780.349	13.780.349
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ)		
- Lãi cơ bản	1.553	1.819
- Lãi suy giảm	1.553	1.819

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên.

(**) Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh cho việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ đầu tư phát triển trong năm 2015.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

19.4 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	20.878.347.000	16.703.714.000
Trong đó:		
Cổ tức đã trả trong năm	8.341.894.700	10.029.293.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	12.526.490.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VNĐ		
	SORECO	Cảng Miền Nam	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Vốn điều lệ đã góp	2.940.000.000	9.800.000.000	12.740.000.000
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế	<u>(16.770.384)</u>	<u>777.042.903</u>	<u>760.272.519</u>
	<u>2.923.229.616</u>	<u>10.577.042.903</u>	<u>13.500.272.519</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phần (lỗ) lợi nhuận sau khi mua	<u>(630.367)</u>	<u>777.042.903</u>	<u>776.412.536</u>

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	796.218.053.135	643.775.442.340
Doanh thu bán hàng hóa	<u>214.378.584.892</u>	<u>228.948.302.145</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.010.596.638.027</u>	<u>872.723.744.485</u>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	558.782.958	212.540.880
Lãi tiền gửi	554.450.628	2.407.710.201
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.710.000	5.123.042.492
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	4.028.633.274
TỔNG CỘNG	<u>1.221.943.586</u>	<u>11.771.926.847</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	652.798.853.991	538.326.936.906
Giá vốn của hàng hóa đã bán	<u>200.892.766.133</u>	<u>220.117.931.451</u>
TỔNG CỘNG	<u>853.691.620.124</u>	<u>758.444.868.357</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	8.312.704.986	(218.084.360)
Chi phí lãi vay	1.831.408.810	836.744.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	821.282.660	221.470.595
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	67.028.029	-
TỔNG CỘNG	11.032.424.485	840.131.069

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	75.519.456.828	54.687.973.220
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	48.093.464.975	38.049.331.373
Chi phí bán hàng khác	27.425.991.853	16.638.641.847
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.879.929.230	36.166.259.207
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí lương	15.557.378.546	14.961.713.999
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.697.900.032	577.191.166
Tiền thuê đất	2.555.209.813	4.717.838.807
Trợ cấp thôi việc	130.536.500	3.704.775.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.938.904.339	12.204.739.422

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.070.930.924	554.626.499.551
Giá vốn hàng hóa đã bán	200.892.766.133	220.351.933.023
Chi phí nhân công	63.650.843.521	53.011.045.372
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	6.897.790.232	4.584.775.075
Chi phí khác	27.578.675.372	16.724.847.763
TỔNG CỘNG	963.091.006.182	849.299.100.784

26. CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nộp phạt	2.611.809.327	141.024.183
Chi phí khác	76.134.627	4.669.751
TỔNG CỘNG	2.687.943.954	145.693.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và thu nhập tính thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.056.187.023	36.070.698.797
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.976.969.640	1.363.933.907
Lỗi từ công ty liên kết	1.429.627.173	2.722.502.682
Lỗi của các công ty con	4.786.463	24.472.542
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(1.292.939.250)	3.479.020.250
Thu nhập không chịu thuế	(108.710.000)	(5.123.042.492)
Thu nhập chịu thuế ước tính	37.065.921.049	38.537.585.686
Chi phí thuế TNDN ước tính phải nộp	8.154.502.630	8.478.268.851
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	197.649.610	292.819.399
Chi phí thuế TNDN trong năm	8.352.152.240	8.771.088.250
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.118.268.851	2.255.660.387
Thuế TNDN đã trả trong năm	(10.115.918.461)	(7.908.479.786)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.354.502.630	3.118.268.851

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VNĐ			
	<u>Bảng cân đối kế toán</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động</u>	
	<u>hợp nhất</u>		<u>kinh doanh hợp nhất</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	<u>437.216.200</u>	<u>765.384.455</u>	<u>(328.168.255)</u>	<u>765.384.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ mua bán với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VNĐ</i>	
				<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans	Công ty liên kết	Trả hộ	1.332.503.636		-

Khoản phải trả với bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	Bên liên quan	Mua dịch vụ	<u>491.700.000</u>	<u>-</u>
--	---------------	-------------	--------------------	----------

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương, thù lao và thưởng	<u>4.037.703.218</u>	<u>2.713.464.587</u>

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	11.616.464.307	11.924.311.440
Từ 1 đến 5 năm	23.921.132.080	25.005.348.160
Trên 5 năm	<u>483.623.920</u>	<u>5.835.286.969</u>
TỔNG CỘNG	<u>36.021.220.307</u>	<u>42.764.946.569</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	18.449	15.793
- Đồng Euro (EUR)	1.658	1.292
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	624.958.040	624.958.040
Giá trị ước tính của vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VNĐ)	428.118.897.001	454.770.114.513

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải và kinh doanh xăng dầu, nhớt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>		<i>Kinh doanh xăng dầu, nhớt</i>	<i>VNĐ</i>
				<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Doanh thu bộ phận				
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	796.218.053.135	214.378.584.892		1.010.596.638.027
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	1.682.276.574		1.682.276.574
	796.218.053.135	216.060.861.466		1.012.278.914.601
<i>Đối chiếu:</i>				
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận				(1.682.276.574)
Doanh thu trong năm				1.010.596.638.027
Lợi nhuận bộ phận	38.345.129.181	5.300.721.010		43.645.850.191
<i>Đối chiếu:</i>				
Lãi tiền gửi				554.450.628
Chi phí lãi vay				(1.831.408.810)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư				(8.312.704.986)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				34.056.187.023
Các thông tin bộ phận khác				
Khấu hao và khấu trừ	6.819.844.949	77.945.283		6.897.790.232
Dự phòng phải thu khó đòi	450.980.173	4.246.919.859		4.697.900.032
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	282.257.003		282.257.003
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tài sản bộ phận	193.960.639.598	27.064.600.197		221.025.239.795
<i>Đối chiếu:</i>				
Phải thu bộ phận				(21.088.862.157)
Tài sản không phân bổ				472.075.016.400
Tổng tài sản				672.011.394.038
Nợ phải trả bộ phận	93.790.723.922	5.975.738.040		99.766.461.962
<i>Đối chiếu:</i>				
Phải trả bộ phận				(21.088.862.157)
Nợ phải trả không phân bổ				413.973.980.578
Tổng nợ phải trả				492.651.580.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VNĐ		
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh xăng dầu, nhớt</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	643.775.442.340	228.948.302.145	872.723.744.485
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	2.703.453.933	2.703.453.933
	643.775.442.340	231.651.756.078	875.427.198.418
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(2.703.453.933)
Doanh thu trong năm			872.723.744.485
Lợi nhuận bộ phận	34.139.129.298	3.835.201.358	37.974.330.656
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			2.407.710.201
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			(4.311.342.060)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			36.070.698.797
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	4.474.767.613	110.007.462	4.584.775.075
Dự phòng phải thu khó đòi	335.894.541	241.296.625	577.191.166
Chi phí lãi vay	-	836.744.834	836.744.834
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Tài sản bộ phận	151.403.753.903	28.236.343.413	179.640.097.316
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(24.625.265.729)
Tài sản không phân bổ			101.228.195.734
Tổng tài sản			256.243.027.321
Nợ phải trả bộ phận	74.543.498.981	28.236.343.413	102.779.842.394
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(24.625.265.729)
Nợ phải trả không phân bổ			21.984.209.452
Tổng nợ phải trả			100.138.786.117

Một vài dữ liệu tương ứng trên thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày trên thông tin bộ phận năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay, chi tiết như sau:

	VNĐ		
	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Trả trước cho người bán	22.944.043.305	(22.944.043.305)	-
Trả trước người bán ngắn hạn	-	18.358.543.305	18.358.543.305
Trả trước người bán dài hạn	-	4.585.500.000	4.585.500.000
Phải thu khác	11.382.717.781	(11.382.717.781)	-
Tài sản ngắn hạn khác	7.613.848.332	(7.613.848.332)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	18.996.566.113	18.996.566.113
Thuế GTGT được khấu trừ	274.017.310	1.623.607.484	1.897.624.794
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.623.607.484	(1.623.607.484)	-
Tài sản dài hạn khác	155.355.000	(155.355.000)	-
Phải thu dài hạn khác	-	155.355.000	155.355.000
Phải trả dài hạn khác	5.144.442.250	(3.479.020.250)	1.665.422.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	3.479.020.250	3.479.020.250
Quỹ đầu tư và phát triển	23.316.847.261	4.822.713.838	28.139.561.099
Quỹ dự phòng tài chính	4.822.713.838	(4.822.713.838)	-

	VNĐ		
	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Năm trước (được trình bày lại)</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Thu nhập khác	284.480.211	(5.305.397)	279.174.814
Chi phí khác	(150.999.331)	5.305.397	(145.693.934)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 20 tháng 8 năm 2015, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") về việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty với giá phát hành bằng mệnh giá (10.000 VNĐ/cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 13.780.563 cổ phiếu được phát hành thêm. Mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành này là để đầu tư xây dựng kho Phú Mỹ và bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Sau đó, theo Nghị Quyết của HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 13.780.349 cổ phiếu theo kế hoạch trên, tương đương với 137.803.490.000 VNĐ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 137.803.490.000 VNĐ lên 275.606.980.000 VNĐ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành GCNĐKKD điều chỉnh từ SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 12.2, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Thanh Vân
Người lập



Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016